

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HS-ST
Ngày 18-7-2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đăng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Dũng

Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện Duuyên Hải

Ông Hoàng Sĩ Thạo

Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: Hạt kiểm lâm huyện Duuyên Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Võ Tấn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn D sinh ngày 24-7-2000 tại tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú ấp C xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp làm thuê; trình độ học vấn 06/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K (Đã chết) và bà Bùi Thị T; tiền sự không; tiền án không; ngày 28-02-2018 bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã, đến ngày 03-3-2018 chuyển tạm giam cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Vĩnh K sinh năm 2000 tại tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú ấp C, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp làm thuê; trình độ học vấn 07/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Dương Thị Ngọc Đ; tiền sự không; tiền án không; ngày 17-4-2018 bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn D:

Bà Bùi Thị T sinh năm 1981; nơi cư trú ấp C, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh là mẹ của bị cáo (Có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Vĩnh K:*

Ông Trần Văn H sinh năm 1978; nơi cư trú ấp C, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh là cha của bị cáo (Vắng mặt).

Bà Dương Thị Ngọc Đ sinh năm 1981; nơi cư trú ấp C, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh là mẹ của bị cáo (Có mặt).

- *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn D, Trần Vĩnh K:* Ông Võ Hùng H là Luật sư của Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

- *Người bị hại:*

Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng B; địa chỉ trụ sở số 120, đường Đ, ấp B, phường 4, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Ông Nguyễn Tấn R sinh năm 1979; nơi cư trú ấp L, xã H, huyện H, tỉnh A (Vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn H sinh năm 1982; nơi cư trú ấp C, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn D sinh năm 1987; nơi cư trú ấp L, xã P, huyện H, tỉnh A (Vắng mặt).

Ông Dương Thanh H sinh năm 1968; nơi cư trú ấp C, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn T sinh năm 1984; nơi cư trú ấp A, xã L, huyện B, tỉnh L (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Nguyễn Văn K sinh năm 1998; nơi cư trú ấp C, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

Nguyễn Văn K1 sinh ngày 01-10-2002; nơi cư trú ấp ĐC, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

Hà Quốc K sinh ngày 12-4-2004; nơi cư trú ấp HT, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Văn K:*

Ông Nguyễn Văn T sinh năm 1978; nơi cư trú ấp ĐC, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh là cha của Nguyễn Văn K1 (Vắng mặt).

Bà Võ Thị Huỳnh Đ sinh năm 1977; nơi cư trú ấp ĐC, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh là mẹ của Nguyễn Văn K1 (Có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp cho Hà Quốc K:*

Ông Hà Văn H sinh năm 1981; nơi cư trú ấp HT, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh là cha của Hà Quốc K (Vắng mặt).

Bà Đào Thị K sinh năm 1984; nơi cư trú ấp HT, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh là mẹ của Hà Quốc K (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 03-12-2017, Nguyễn Văn D nhìn thấy chiếc xe cuốc của anh Nguyễn Tấn R đang cuốc đất tại ấp ĐT, xã ĐH huyện D, tỉnh Trà Vinh, nên D rủ Phạm Văn T lấy trộm bình ắc quy trên xe cuốc của anh R bán lấy tiền tiêu xài cá nhân thì T đồng ý, D cùng với T đi đến trại cưa của ông Hồ Như T ngủ ở đó. Đến khoảng 01 giờ ngày 04-12-2017, D mang theo 01 cây kim cộng lực màu cam rồi điều khiển chiếc xe đạp màu đỏ chở T đến xe cuốc của anh R, D leo lên xe cuốc dùng kim cắt dây điện mắc vào bình rồi lấy ra 01 cái bình ắc quy hiệu GS loại bình 100 Ampe đưa cho T vác ra chỗ đậu xe đạp trước, còn D tiếp tục cắt dây điện lấy trộm 01 cái bình ắc quy hiệu Đồng Nai loại bình 100 Ampe rồi vác đi theo sau ra chỗ đậu xe đạp, D chở T ngồi ôm 02 cái bình đi được khoảng 30 mét thì xe hư nên giấu 02 cái bình vào bụi cây ven đường, sau đó đi về nhà của D lấy chiếc xe đạp màu vàng, D điều khiển chở T đến chỗ giấu 02 cái bình lấy đem đến trại cưa của ông T cất giấu, rồi T điều khiển xe đạp chở D ra hướng phà ấp C, xã ĐH tìm tài sản của người khác để lấy trộm nhưng không tìm thấy, T chở D trở về nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX màu đỏ đen, biển số 62F1-072.56 có gắn chìa khóa của anh Nguyễn Văn H đậu trước nhà bà Nguyễn Thị B, ngụ ấp C, xã ĐH, D và T quan sát thấy không có người, nên D dẫn xe ra lộ đạp máy nhưng xe không nổ máy do hết xăng, D dẫn xe mô tô còn T chạy xe đạp đến trại cưa của ông T, T rút xăng trong xe mô tô của ông T đổ vào bình xăng xe mô tô vừa trộm được và đạp cho xe nổ máy. D điều khiển xe và dùng chân đẩy kê xe đạp do T điều khiển để tìm chỗ bán xe mô tô vừa trộm được, khi đi đến ấp ĐA, xã ĐH thì bị Cơ quan Công an phát hiện, lập biên bản quản lý vật chứng và điều tra làm rõ.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 29-12-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xác định: 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave RSX, màu đỏ đen, biển số 62F1-072.56, đã qua sử dụng của anh Nguyễn Văn H có giá trị là 4.250.000 đồng; 02 cái bình ắc quy loại 100Ampe, đã qua sử dụng của Nguyễn Tấn R có giá trị là 1.800.000 đồng (01 cái hiệu Đồng Nai có giá 875.000 đồng, 01 cái hiệu GS có giá 925.000 đồng). Tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 6.050.000 đồng.

Ngày 06-02-2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Duyên Hải, ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Nguyễn Văn D về tội Trộm cắp tài sản, do Nguyễn Văn D bỏ trốn khỏi địa phương nên ngày 22-02-2018 ra Quyết định truy nã đến ngày 28-02-2018 bắt được D và chuyển tạm giam cho đến nay.

Quá trình điều tra còn chứng minh được Nguyễn Văn D cùng với Trần Vĩnh K, Nguyễn Văn K1 và Hà Quốc K còn nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như sau:

Lần thứ nhất: Vào buổi sáng ngày không nhớ đầu tháng 11 năm 2017, Nguyễn Văn D nhìn thấy hai chiếc xe cuốc của Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng Long B đậu gần nhau cặp kênh thoát nước thuộc ấp C, xã ĐH, đến khoảng 16 giờ cùng ngày D rủ Phạm Văn T đi trộm bình ắc quy để trên xe cuốc bán lấy tiền xài thì T đồng ý, sau đó T rủ tiếp Nguyễn Văn K1 đi trộm bình ắc quy để trên xe cuốc thì K1 đồng ý. Vào khoảng 23 giờ ngày hôm sau, D, T, K1 điều khiển xe đạp đi đến 02 chiếc xe cuốc của Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng B khi đến chiếc xe đầu tiên dùng tay gỡ dây điện nối cọc bình, lấy 02 cái bình ắc quy hiệu Đồng Nai loại 85 Ampe để trên xe đạp rồi điều khiển chạy về nhà cậu ruột của T cất giấu, sau đó cả ba tiếp tục quay trở lại chiếc xe cuốc thứ hai dùng tay gỡ dây điện nối cọc bình lấy cái bình ắc quy hiệu GS loại 85 Ampe và cái bình ắc quy hiệu Đồng Nai loại 100 Ampe để lên xe đạp điều khiển chở về nhà của cậu ruột T cất giấu. Đến sáng ngày hôm sau, D, T, K1 đem 04 cái bình ắc quy vừa trộm được đến phường 1, thị xã D, tỉnh Trà Vinh bán cho một người đàn ông lạ mặt không biết tên, địa chỉ với số tiền 1.800.000 đồng, cả ba chia đều mỗi người 600.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 09-4-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 02 cái bình ắc quy hiệu Đồng Nai loại 85 Ampe, 01 cái bình ắc quy hiệu GS loại 85 Ampe, 01 cái bình ắc quy hiệu Đồng Nai loại 100 Ampe tại thời điểm bị xâm hại với số tiền 5.550.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày không nhớ rõ trong tháng 11 năm 2017, Trần Vĩnh K rủ Nguyễn Văn D đi lấy trộm bình ắc quy để trên xe cuốc để bán lấy tiền tiêu xài thì D đồng ý. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Vĩnh K điều khiển xe mô tô biển số 84M1-024.71 của ông Trần Văn H (Cha ruột của Vĩnh K) chở D đi tìm xe cuốc nhưng không thấy. Lúc này, D lấy điện thoại di động điện cho anh ruột của D là Nguyễn Văn K làm thuê cho anh Nguyễn Văn H hỏi xe cuốc của anh H đang đậu ở đâu, anh K không biết D hỏi để đi lấy trộm bình ắc quy nên anh K chỉ chỗ xe cuốc của anh H đang đậu phần đất ở ấp ĐT, xã ĐH. Biết được vị trí đậu xe cuốc của anh H, Vĩnh K điều khiển xe chở D ra đường đất cách xe cuốc khoảng 500 mét, sau đó, Vĩnh K đưa cho D cây kim cộng lực rồi cả hai đi lại chiếc xe cuốc cắt dây điện nối cọc bình lấy 02 cái bình ắc quy hiệu GS loại 100 Ampe đem ra xe Vĩnh K điều khiển chở D ngồi sau đem 02 cái bình giấu vào bụi cây ven đường. Đến khoảng 11 giờ ngày hôm sau, Vĩnh K điều khiển xe đem 02 cái bình ắc quy đến vừa thu mua phế liệu của chị Trần Thị Kim H bán cho người đàn ông không biết tên, địa chỉ với số tiền 900.000 đồng. Sau đó, Vĩnh K về nói với D bán được 600.000 đồng rồi Vĩnh K và D chia nhau mỗi người được 300.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 09-4-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 02 cái bình ắc quy hiệu GS loại 100 Ampe, đã qua sử dụng với số tiền 3.600.000 đồng.

Lần thứ ba: Sau khi Nguyễn Văn D và Trần Vĩnh K lấy trộm 02 cái bình ắc quy của anh Nguyễn Văn H thì Vĩnh K để lại cây kìm cộng lực cho D cất giữ khi nào Vĩnh K thấy xe cuốc chỉ cho D lấy trộm bình ắc quy trên xe cuốc để Vĩnh K bán thì D đồng ý. Vào cuối tháng 11 năm 2017, Vĩnh K chỉ chỗ đậu xe cuốc ở ấp C, xã ĐH của anh Nguyễn Văn D cho D, T và kêu đi lấy trộm bình ắc quy để trên xe cuốc để cho Vĩnh K đem đi bán. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, D mang theo cây kìm cộng lực điều khiển xe đạp chở T đến chỗ xe cuốc của anh D dùng kìm cắt dây điện nối cọc bình lấy 02 cái bình ắc quy hiệu GS loại 100 Ampe rồi đem ra, D điều khiển xe đạp chở cho T ngồi phía sau ôm 02 cái bình chở về trại của ông T cất giấu. Đến sáng ngày hôm sau, Vĩnh K điều khiển xe mô tô đến trại của ông T gặp D và T lấy 02 cái bình ắc quy đến bán cho một người đàn ông không biết tên, địa chỉ mua phế liệu ở gần cầu số 1, nhà máy nhiệt điện Duyên Hải được 800.000 đồng, khi về Vĩnh K nói với D và T bán được 600.000 đồng, D chia cho Vĩnh K 100.000 đồng, số còn lại D và T chia đôi đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 09-4-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 02 cái bình ắc quy hiệu GS loại 100 Ampe, đã qua sử dụng với số tiền 3.600.000 đồng.

Lần thứ tư: Buổi trưa ngày 30-11-2017, Vĩnh K đi ngang đất của ông Dương Thanh H thấy xe cuốc đang cuốc đất, đến chiều cùng ngày Vĩnh K gặp D và T rồi chỉ D và T đi lấy trộm bình ắc quy để trên xe cuốc và chỉ tay về hướng chiếc xe cuốc trên phần đất ông H. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, D mang theo cây kìm cộng lực điều khiển xe đạp chở T đến xe cuốc của ông H dùng kìm cắt dây điện lấy 02 cái bình ắc quy hiệu GS loại 75 Ampe rồi đem 02 cái bình về trại của ông T cất giấu. Lúc này, Hà Quốc K đến trại của ông T nên T rủ K1 cùng đi trộm bình ắc quy thì K1 đồng ý nên cả ba cùng trở lại phần đất của ông H, đến chiếc xe cuốc của anh Nguyễn Văn T dùng kìm cắt dây điện lấy 02 cái hiệu Đồng Nai loại 50 Ampe rồi đem về trại của ông T cất giấu chung với hai cái bình vừa lấy trộm trước đó. Ngày hôm sau, Vĩnh K lấy 04 cái bình ắc quy đem bán cho anh Dương Chí V được 1.300.000 đồng, nhưng về Vĩnh K nói bán được 900.000 đồng, D chia cho Vĩnh K 200.000 đồng, K1 50.000 đồng, số tiền còn lại D và T chia đều tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 09-4-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 02 cái bình ắc quy hiệu GS loại 75 Ampe, đã qua sử dụng của ông Dương Thanh H với số tiền 1.650.000 đồng; 02 cái bình ắc quy hiệu Đồng Nai loại 50 Ampe, đã qua sử dụng của anh Nguyễn Văn T với số tiền 1.980.000 đồng. Tổng giá trị của 04 bình ắc quy trên giá 3.630.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Văn D cùng với Trần Vĩnh K và các đối tượng khác lấy trộm 01 chiếc xe mô tô và 14 cái bình ắc quy, được định giá với tổng số tiền 22.430.000 đồng; Trần Vĩnh K cùng với Nguyễn Văn D và các đối tượng khác lấy trộm 08 cái bình ắc quy, được định giá với tổng số tiền 10.830.000 đồng.

Ngày 16-4-2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư

trú đối với Trần Vĩnh K về tội Trộm cắp tài sản để điều tra làm rõ, đồng thời ra quyết định nhập vụ án hình sự để tiến hành điều tra theo quy định pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKS-DH ngày 09-5-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn D và Trần Vĩnh K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Văn D, Trần Vĩnh K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Cũng tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên trình bày bản luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Văn D, Trần Vĩnh K, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 09 tháng đến 01 năm tù, xử phạt bị cáo Trần Vĩnh K từ 07 tháng đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; về trách nhiệm dân sự những người bị hại đã nhận lại tài sản, được bồi thường thiệt hại và không yêu cầu bồi thường nên không đề nghị xem xét giải quyết; về vật chứng áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị tuyên tịch thu và tiêu hủy 01 cái kim cộng lực màu cam dài 45cm, đã qua sử dụng; tịch thu và nộp vào ngân sách nhà nước 01 chiếc xe đạp màu vàng, đã qua sử dụng; ngoài ra còn đề nghị áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc các bị cáo nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn D, Trần Vĩnh K phát biểu quan điểm bào chữa: Thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát, bản luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật đối với các bị cáo, đồng thời phân tích tính chất vụ án, đặc điểm nhân thân, các bị cáo phạm tội là do chủ quan và khách quan, điều kiện hoàn cảnh của gia đình thiếu quan tâm giáo dục dẫn đến phạm tội, tài sản các bị cáo chiếm đoạt không lớn, bị cáo và gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi phạm tội bị cáo chưa thành niên, trình độ học vấn thấp nhận thức pháp luật còn hạn chế, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị cân nhắc cho các bị cáo hưởng án treo để sửa chữa lỗi lầm làm người công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo Nguyễn Văn D nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình làm công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo Trần Vĩnh K nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn hối cải xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào kiến nghị hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Kết quả thẩm vấn, tranh luận công khai tại phiên tòa phù hợp biên bản khám nghiệm, sơ đồ hiện trường, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận:

Vào tháng 11 năm 2017 đến ngày 04-12-2017 tại ấp C và ấp DT, xã DH, huyện D, tỉnh Trà Vinh, Nguyễn Văn D cùng với Trần Vĩnh K nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của nhiều bị hại. Cụ thể, Nguyễn Văn D cùng với Trần Vĩnh K và các đối tượng khác lấy trộm 01 chiếc xe mô tô và 14 cái bình ắc quy được định giá với tổng số tiền 22.430.000 đồng; Trần Vĩnh K cùng với Nguyễn Văn D và các đối tượng khác lấy trộm 08 cái bình ắc quy được định giá với tổng số tiền 10.830.000 đồng. Như vậy hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn D, Trần Vĩnh K đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3]. Về tính chất vụ án: Các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, nhưng hành vi nguy hiểm cho xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân ở xã DH, không an tâm lao động vì lo sợ bị mất trộm tài sản. Với mục đích có tiền tiêu xài không qua lao động hợp pháp, các bị cáo đã nhiều lần lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại để thỏa mãn nhu cầu của cá nhân. Trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia thực hiện, nhưng chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng, vai trò tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo khác nhau nên cần phân tích hành vi của từng bị cáo để áp dụng hình phạt cho phù hợp.

Bị cáo Nguyễn Văn D là người có vai trò tích cực trong vụ án, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản người khác nên đã nhiều lần rủ rê lôi kéo các đối tượng là Phạm Văn T, Nguyễn Văn K và Hà Quốc K thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo 05 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại đem về cất giấu, sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn làm khó khăn cho công tác điều tra, xử lý tội phạm; Bị cáo Trần Vĩnh K cũng đã rủ rê và chỉ chỗ có tài sản cho các đối tượng khác trộm cắp, bị cáo đã chuẩn bị kìm còng lực và sử dụng xe mô tô của cha mình đi trộm cắp tài sản, 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại. Hành vi của các bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với từng bị cáo tương xứng với mức độ, vai trò của từng người mới có tính giáo dục răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Các đối tượng Nguyễn Văn K1 và Hà Quốc K tham gia trộm cắp tài sản nhưng chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Công an đã xử phạt hành chính và giao cho gia đình, địa phương quản lý giáo dục; đối với Phạm Văn T tính đến ngày trộm

cấp tài sản 04-12-2017 đã được 16 tuổi 04 ngày, tuy nhiên do đăng ký khai sinh quá hạn nên cần phải giám định để xác định độ tuổi, Thắng không còn ở địa phương, không biết ở đâu nên khi nào tìm được sẽ xử lý sau.

Ngoài các lần trộm cắp tài sản trên địa bàn xã ĐH, huyện D, Trần Vĩnh K cùng các đối tượng khác còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã D, tỉnh Trà Vinh do chưa đủ định lượng nên Công an đã xử phạt vi phạm hành chính.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn D cùng với Trần Vĩnh K và các đối tượng khác 05 lần trộm cắp tài sản của người bị hại; Trần Vĩnh K cùng với Nguyễn Văn D và các đối tượng khác 03 lần trộm cắp tài sản của người bị hại, mỗi lần chiếm đoạt tài sản đều trên 2.000.000 đồng, nên các bị cáo D và Vĩnh K phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Nguyễn Văn D 05 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng không thỏa mãn điều kiện người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính do đó không xem áp dụng định khung hình phạt và định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 và điểm b khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn D, Trần Vĩnh K thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, khi phạm tội các bị cáo chưa thành niên nhận thức pháp luật còn hạn chế nên áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Gia đình của Nguyễn Văn D và Trần Vĩnh K đã khắc phục bồi thường cho anh Nguyễn Văn H số tiền 2.600.000 đồng; cho anh Nguyễn Văn D số tiền 2.600.000 đồng; cho anh Nguyễn Văn T số tiền 1.980.000 đồng. Riêng ông Dương Thanh H và Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng B không yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản bị chiếm đoạt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng: Xét thấy Cơ quan Cảnh sát điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave RSX, màu đỏ đen, biển số 62F1-072.56, đã qua sử dụng cho anh Nguyễn Văn H; trả lại 02 cái bình ắc quy loại 100Ampe (01 cái hiệu Đồng Nai, 01 cái hiệu GS) cho anh Nguyễn Tấn R đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Riêng chiếc đạp màu đỏ của Phạm Văn T dùng làm phương tiện phạm tội nhưng không thu hồi được và chiếc xe mô tô biển số 84M1-024.71 là của ông Trần Văn H, không biết bị cáo Vĩnh K dùng làm phương tiện để phạm tội nên không tiến hành thu giữ. Riêng 02 chiếc điện thoại di động của D và Vĩnh K dùng để liên lạc lấy trộm tài sản đã mất và hư hỏng nên không thu giữ được. Đối với 01 chiếc xe đạp màu vàng của Nguyễn Văn D

dùng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu và nộp ngân sách nhà nước; 01 cái kim cộng lực màu cam dài 45cm là của ông Trần Văn H không biết bị cáo Vĩnh K dùng làm phương tiện để phạm tội và không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu và tiêu hủy.

Xét bản cáo trạng của Viện kiểm sát, quan điểm luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với vụ án là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Xét quan điểm bào chữa của Luật sư đề nghị cho các bị cáo Nguyễn Văn D và Trần Vĩnh K được hưởng án treo là chưa tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm tại địa phương nên không được chấp nhận.

[8]. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn D, Trần Vĩnh K phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D, Trần Vĩnh K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Văn D, Trần Vĩnh K.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 09 (Chín) tháng tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày 28-02-2018.

Xử phạt bị cáo Trần Vĩnh K 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu và tiêu hủy 01 cái kim cộng lực màu cam dài 45cm, đã qua sử dụng; tịch thu và nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc xe đạp màu vàng, đã qua sử dụng.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn D, Trần Vĩnh K mỗi người phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bị hại, người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- STP tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CA huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- UBND xã ĐH;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Đăng

